

Bản án số: **60/2018/HS-ST**
Ngày: 12/3/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NT, TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đoàn Tuấn Anh**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Bùi Thị Hoàng Yên**

Bà Nguyễn Thị Ngọc Yến

Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Kiều Diễm** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông **Trương Việt Dũng** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 23/2018/TLST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2018/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc T (Q) sinh ngày 25 tháng 11 năm 1992 tại thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa; nơi cư trú: Số 49/3 L, phường P, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh T H (sinh năm 1958) và bà Nguyễn Thị Y (sinh năm 1958); có vợ là Trần Thị Phương A (sinh năm 1998) và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án: không, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- **Bị hại:** Anh **Trương Minh T** sinh năm 1985; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Số 1A V, phường V, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa; chỗ ở hiện nay: Số 114 V, thôn V, xã V, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Chị **Nguyễn Thị Bích L** sinh ngày 25/7/1990; nơi cư trú: Số 163/5 thôn T, xã V, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

2. Chị **Trần Thị Phương A** sinh ngày 18/8/1998; nơi cư trú: Số 49/3 L, phường P, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

- **Người làm chứng:**

1. Bà **Nguyễn Thị Xuân S** sinh năm 1959; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Đội 5, thôn C, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; chỗ ở hiện nay: Số 324/15 L, phường P, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

2 Bà **Nguyễn Thị Y** sinh năm 1958; nơi cư trú: Số 49/3 L, phường P, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

3. Anh **Huỳnh Thế Giang P** sinh ngày 04/3/1992; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Tổ 10, V, phường N, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa; chỗ ở hiện nay: Tổ 3, L, phường N, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quan hệ quen biết với Nguyễn Ngọc T, vào đầu tháng 11/2017, anh Trương Minh T nhờ T tìm mua giúp một chiếc xe máy tay ga đã qua sử dụng, có giấy tờ dùng làm phương tiện đi lại; T đồng ý và nhờ bạn là Huỳnh Thế Giang P tìm giúp xe máy. Khoảng 17 giờ ngày 22/11/2017, P gửi hình một chiếc xe máy hiệu AirBlade màu trắng, đồ qua tin nhắn cho T và báo giá chiếc xe khoảng từ 17.000.000 đồng đến 18.000.000 đồng. T đưa hình cho anh T xem thì anh T đồng ý mua. Đến 21 giờ 30 phút ngày 22/11/2017, anh T điều khiển xe máy chở T đến khu vực nhà thuê trọ của P ở gần quán nhậu Con Ong B, đường H, phường N, thành phố NT. Khi đến nơi, T yêu cầu anh T đứng ngoài đợi và đưa trước cho T 12.500.000 đồng để T đi lấy xe. Khi T đến gặp P thì P trả lời “để hỏi người ta” rồi đi ra ngoài có việc riêng. T ngồi tại chỗ ở của P đợi; anh T chờ lâu nên về trước; khoảng 23 giờ cùng ngày, T đón xe thò về nhà. Sáng ngày 23/11/2017, biết nhiều người đến nhà tìm mẹ T đòi tiền nợ, T nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền trên của anh T nên lấy 4.000.000 đồng giao cho chị Nguyễn Thị Bích L (chị của T) để trả nợ giúp mẹ và giao cho chị Trần Thị Phương A (vợ của T) 2.500.000 đồng để chi tiêu sinh hoạt gia đình. Sau đó, T chặn số điện thoại liên lạc của anh T và đến thuê phòng tại Nhà nghỉ K ở khu Đ 1 để ở cho đến khi tiêu xài hết số tiền còn lại.

Ngày 02/12/2017, anh Trương Minh T tố cáo Nguyễn Ngọc T về hành vi chiếm đoạt số tiền trên.

Tại cơ quan điều tra, T đã thừa nhận hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt số tiền 12.500.000 đồng của anh T; đồng thời, chị Nguyễn Thị Bích L đã tự nguyện giao nộp số tiền như trên cho cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả, trả lại cho người bị hại.

Tại bản cáo trạng số 46/CT-VKS ngày 16/01/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Đối với Nguyễn Thị Bích L và Trần Thị Phương A không biết số tiền Nguyễn Ngọc T giao để trả nợ và chi tiêu là tiền do T phạm tội mà có, nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa giữ nguyên nội dung cáo trạng nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 140; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T; đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù.

Về việc trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Nguyễn Thị Bích L không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại cho chị số tiền mà chị đã nộp để khắc phục hậu quả thay cho bị cáo; bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Nguyễn Thị Bích L cũng không có yêu cầu gì về phần trách nhiệm dân sự đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Trần Thị Phương A, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị hại là anh Trương Minh T đã nhận lại toàn bộ số tiền bị chiếm đoạt và vắng mặt tại phiên tòa, nên đề nghị Hội đồng xét xử tách ra để giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, bị hại là anh Trương Minh T; những người làm chứng là bà Nguyễn Thị Xuân S và anh Huỳnh Thế Giang P được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt; xét thấy sự vắng mặt của bị hại và những người làm chứng trên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án; căn cứ Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Ngọc T khai nhận toàn bộ diễn biến hành vi mà bị cáo đã thực hiện như nội dung cáo trạng nêu trên. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các biên bản tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm; phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng tại phiên tòa; phù hợp với lời khai của bị hại và những người làm chứng có trong hồ sơ vụ án; cũng như phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; đã thể hiện: Vào tối ngày 22/11/2017, tại khu vực gần quán nhậu Con Ong Bâu, đường H, phường N, thành phố NT, anh Trương Minh T đã đưa cho Nguyễn Ngọc T số tiền là 12.500.000 đồng (mười hai triệu năm trăm ngàn đồng) để nhờ T mua giúp anh T chiếc xe máy AirBlade theo thỏa thuận, nhưng sau đó T đã chiếm đoạt

số tiền trên và bỏ trốn; do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

So sánh khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định mức hình phạt nhẹ hơn và có các quy định có lợi hơn cho người phạm tội; do đó, căn cứ khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, Hội đồng xét xử xét xử bị cáo Nguyễn Ngọc T theo điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 như Viện kiểm sát nhân dân thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa đã truy tố.

Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Ngọc T là nguy hiểm cho xã hội; đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây tâm lý hoang mang, lo sợ cho người dân, cũng như gây mất trật tự trị an tại địa phương; do đó, cần phải áp dụng một mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo để đảm bảo tính giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, xét thấy bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi sự việc xảy ra, bị cáo đã tích cực tác động gia đình bị cáo tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại là 12.500.000 đồng (*mười hai triệu năm trăm ngàn đồng*) cho Cơ quan điều tra để Cơ quan điều tra trả lại cho bị hại, nhằm khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và được bị hại làm đơn xin bãi nại cho bị cáo; bản thân bị cáo đã có thời gian phục vụ trong quân đội; do đó, cũng cần xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt, để bị cáo thấy được sự nhân đạo, khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo, sớm trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[3] *Về trách nhiệm dân sự*: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Nguyễn Thị Bích L không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại cho chị số tiền mà chị đã nộp để khắc phục hậu quả thay cho bị cáo; bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Nguyễn Thị Bích L cũng không có yêu cầu gì về phần trách nhiệm dân sự đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Trần Thị Phương A, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị hại là anh Trương Minh T đã nhận lại toàn bộ số tiền bị chiếm đoạt và vắng mặt tại phiên tòa, không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét, nên tách ra để giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

[4] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T,

Xử phạt Nguyễn Ngọc T (Q) 04 (bốn) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Tách ra để giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác khi bị hại là anh Trương Minh T có đơn yêu cầu.

*** Về án phí:** Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

*** Về quyền kháng cáo:** Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

Nơi nhân:

- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thành phố NT;
- Công an thành phố NT;
- Bị cáo; Những người tham gia tố tụng khác;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố NT;
- Sở tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Đoàn Tuấn Anh